



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07AV (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi C200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07128001	NGUYỄN PHẠM THÚY	AN	17/05/89	1.	5	nam
2	07128004	HOÀNG TUẤN	ANH	08/06/89	1.	7	bay
3	07128003	LÊ THỊ LAN	ANH	06/03/89	1.	5	nam
4	07128005	PHẠM THỊ BÉ	BA	1 / 89	1.	6	sau
5	07128006	PHAN HUY	BẢO	22/10/88	2.	6	sau
6	07128007	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	30/07/88	2.	9	chín
7	07128009	PHẠM THỊ MỸ	CHÂU	1 / 88	1.	6	sau
8	07128008	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	06/06/89	1.	5	nam
9	07128011	VÕ THỊ NGỌC	DIỆU	22/10/89	1.	3	ba
10	07128013	LÊ THỊ HOÀNG	DIỆP	20/08/89	1.	5	nam
11	07128015	NGUYỄN VĂN	HẢI	11/08/89	1.	5	nam
12	07128016	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HẠNH	10/11/88	1.	4	bốn
13	07128017	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	02/01/89	1.	7	bảy
14	07128018	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	HẢO	13/07/89	1.	5	nam
15	07128019	NGUYỄN THỊ	HẰNG	05/05/89	2.	9	chín
16	07128020	PHẠM NGUYỄN NGỌC	HẬU	07/01/88	1.	4	bốn
17	07128021	CHÂU THỊ KIM	HOÀNG	15/06/89	1.	7	bảy
18	07128023	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	21/12/88	1.	6	sáu
19	07128024	HÀ THỊ THU	HUYỀN	06/07/88	1.	2	hai
20	07128025	NGÔ THỊ KIM	HƯƠNG	30/04/89	1.	6	sáu
21	07128026	NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	HƯƠNG	20/03/89	1.	7	bảy
22	07128027	NGUYỄN VIỆT	HƯƠNG	28/07/89	1.	2	hai
23	07128028	LƯƠNG THỊ HỒNG	KHÁNH	14/11/88	1.	3	ba
24	07128029	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHUÊ	22/12/89	1.	6	sáu
25	07159006	LÂM THỊ MỸ	KIM	20/07/89	1.	2	hai
26	07128030	VÕ THỊ	LÀI	12/06/89	1.	7	bảy
27	07128032	ĐỖ NGỌC THÚY	LINH	23/11/89	✓	Vắng	—
28	07128033	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	02/07/88	1.	2	hai
29	07128034	TRẦN THỊ THÚY	LINH	12/03/89	1.	5	nam
30	07128035	MAI HỒNG	LOAN	14/06/89	✓	Vắng	—
31	07128036	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	06/12/89	1.	3	ba
32	07128037	ĐỖ VĂN	LONG	02/05/89	✓	Vắng	—
33	07128039	PHẠM THỊ THIÊN	LÝ	03/03/89	2.	8	tám
34	07128041	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	26/11/88	2.	3	ba
35	07128042	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	30/04/89	✓	Vắng	—
36	07128043	ĐỖ BÌNH KIM	NGÂN	11/01/89	✓	Vắng	—

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07AV (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07128045	KHEO NGOC	NGÂN	1	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
38	07128044	NGUYỄN ĐOÀN KIM	NGÂN	2	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
39	07128047	NGUYỄN THỊ THỦY	NGÂN	2	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
40	07128046	TỔNG QUỲNH	NGÂN	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
41	07159014	TRẦN QUỐC	NGÂN	2	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
42	07128048	LÊ ANH	NGOC	1	<i>[Signature]</i>	2	<i>hai</i>
43	07128049	TRẦN MỸ	NGOC	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
44	07128050	TÔN THẤT THÀNH	NHÂN	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
45	07128051	ĐOÀN THỊ THU	NHI	1	<i>[Signature]</i>	2	<i>hai</i>
46	07128053	NGUYỄN THỊ	NHUNG	2	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>
47	07128052	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
48	07128056	LƯU QUỲNH	NHƯ	1	<i>[Signature]</i>	2	<i>hai</i>
49	07128054	TRẦN THỊ HUỲNH	NHƯ	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
50	07128057	NGUYỄN THỊ	NÔEN	2	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
51	07128058	LƯU VĂN	NÚI	1	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
52	07128059	PHAN TẤN	PHÁT	1	<i>[Signature]</i>	2	<i>hai</i>
53	07128060	ĐÌNH THANH	PHONG	1	<i>[Signature]</i>	4	<i>bốn</i>
54	07128061	LÊ NGỌC MINH	PHƯƠNG	2	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
55	07128063	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	1	<i>[Signature]</i>	4	<i>bốn</i>
56	07128065	HOÀNG VŨ ANH	QUẾ	1	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>
57	07128067	ĐẶNG HỒNG	QUYÊN	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>
58	07128068	HOÀNG THỊ KHÁNH	QUỲNH	1	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>
59	07128069	NGUYỄN NGỌC	SƯƠNG	1	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>
60	07128070	TRỊNH THẢO	TÂM	✓	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>
61	07128071	NGUYỄN CÔNG	THÁI	1	<i>[Signature]</i>	6	<i>sáu</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Số tờ: 86

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2 *[Signature]*

[Signature]
Vũ Ngọc Dũng

[Signature]
Trình Thanh Toán

Xác nhận của bộ môn *[Signature]*

Cán bộ chấm thi 1 *[Signature]*

Cán bộ chấm thi 2 *[Signature]*

TS. Võ Thị Hồng

[Signature]
Nguyễn Hợp Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CK (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07118021	TRẦN VĂN	CHƯƠNG	20/03/88		<i>Trần Văn Chương</i>	4	bốn
2	07118022	PHẠM VĂN	DƯƠNG	06/03/89		<i>Phạm Văn Dương</i>	6	sáu
3	07118023	LÊ ANH	DƯƠNG	18/01/89		<i>Lê Anh Dương</i>	4	bốn
4	07118002	TRẦN VĂN	GIANG	17/05/84		<i>Trần Văn Giang</i>	6	sáu
5	07118003	ĐỖ ĐÌNH	GIÁP	08/08/87		<i>Đỗ Đình Giáp</i>	3	ba
6	07118004	ĐÀO VINH	HIẾN	30/10/88		<i>Đào Vinh Hiến</i>	6	sáu
7	07118005	TRẦN TIẾN	HÙNG	01/01/89		<i>Trần Tiến Hùng</i>	7	bảy
8	07118006	PHẠM NGỌC	HƯNG	03/01/88		<i>Phạm Ngọc Hưng</i>	5	năm
9	07118007	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	01/09/88		<i>Nguyễn Ngọc Khánh</i>	✓	✓
10	07118025	HOÀNG PHÚC	LỘC	28/08/88		<i>Hoàng Phúc Lộc</i>	4	bốn
11	07118008	BÙI HỮU	LỢI	19/06/89		<i>Bùi Hữu Lợi</i>	6	sáu
12	07118009	PHAN VĂN	LỢI	08/04/89		<i>Phan Văn Lợi</i>	5	năm
13	07118010	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	08/11/87		<i>Nguyễn Thành Luân</i>	5	năm
14	07118026	ĐÀM CẢNH	MỪNG	07/04/88		<i>Đàm Cảnh Mừng</i>	2	hai
15	07118027	NGUYỄN VĂN	NGỌC	28/06/87		<i>Nguyễn Văn Ngọc</i>	✓	✓
16	07118011	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	10/12/89		<i>Nguyễn Văn Nguyễn</i>	2	hai
17	07118012	LÊ THÀNH	NHÂN	26/03/88		<i>Lê Thành Nhân</i>	✓	✓
18	07118013	LÊ MINH	NHẬT	18/09/89		<i>Lê Minh Nhật</i>	3	ba
19	07118014	NGUYỄN CHƯƠNG	PHÚ	07/08/89		<i>Nguyễn Chương Phú</i>	4	bốn
20	07118015	NGUYỄN HOÀI	PHÚ	27/04/88		<i>Nguyễn Hoài Phú</i>	7	bảy
21	07118016	NGUYỄN HỮU	PHỤNG	26/02/89		<i>Nguyễn Hữu Phụng</i>	7	bảy
22	07118017	TRẦN VĂN	THÁI	13/10/89		<i>Trần Văn Thái</i>	7	bảy
23	07118019	LƯU ĐỨC	THẮNG	23/05/88		<i>Lưu Đức Thắng</i>	4	bốn
24	07118020	NGUYỄN VĂN	TOÀN	18/06/85		<i>Nguyễn Văn Toàn</i>	4	bốn
25	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG	TRUNG	07/06/89		<i>Nguyễn Văn Hoàng Trung</i>	2	hai
26	07150194	BÙI QUỐC	TUẤN	08/08/88		<i>Bùi Quốc Tuấn</i>	3	ba
27	07118030	TÔ ĐÌNH	VƯỢNG	20/06/87		<i>Tô Đình Vượng</i>	4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 24 Số bài: 24 Số tờ: 26

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Ng. P. Thảo Vy*

Cán bộ coi thi 2 *Trần Hữu Minh*

Xác nhận của bộ môn *[Chữ ký]*

Cán bộ chấm thi 1 *Ng. H. Hải*

Cán bộ chấm thi 2 _____

TS. Võ Thị Hồng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV217

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333002	ĐẶNG TUẤN	ANH	16/07/88	<i>thh</i>	3	ba
2	07333003	TRƯƠNG PHƯỚC THIÊN	ĂN	04/07/89	<i>Phu</i>	6	sáu
3	07333005	NGUYỄN THỊ BÉ	BẦY	19/02/86	<i>me</i>	Vắng	—
4	07333006	LƯU KIM	BÌNH	28/01/87	<i>alul</i>	4	bốn
5	07333007	NGUYỄN THỊ NHÃ	BÌNH	18/07/88	<i>alul</i>	7	bảy
6	07333010	LÊ VĂN	CẦN	21/06/89	<i>chv</i>	Vắng	—
7	07333011	NGUYỄN TRẦN	CHÂU	27/10/89	<i>chv</i>	5	năm
8	07333015	NGUYỄN VĂN	CHỌN	02/02/89	<i>chv</i>	7	bảy
9	07333016	HUỖNH ANH	CHỨC	10/10/89	<i>chv</i>	Vắng	—
10	07333017	NGUYỄN THANH	CHỨC	27/09/87	<i>chv</i>	2	hai
11	07333018	HỒ PHÚC	CÔNG	11/02/89	<i>chv</i>	2	hai
12	07333020	ĐỖ CÔNG	DANH	09/11/88	<i>chv</i>	5	năm
13	07333021	TRẦN HANH	DIỆU	06/04/88	<i>chv</i>	8	tám
14	07333023	CẦN KIM	DŨNG	05/10/89	<i>chv</i>	8	tám
15	07333024	HUỖNH THANH	DŨNG	25/04/89	<i>chv</i>	3	ba
16	07333028	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	15/04/89	<i>chv</i>	3	ba
17	07333027	TỬ NGỌC	DUY	04/01/87	<i>chv</i>	3	ba
18	07333026	VIỆC LỮ MINH	DUY	17/06/89	<i>chv</i>	4	bốn
19	07333030	NGUYỄN NGỌC	DUYÊN	30/12/88	<i>chv</i>	13	ba
20	07333031	NGUYỄN HỮU	DUYÊN	01/10/86	<i>chv</i>	Vắng	—
21	07333032	HUỖNH THỊ NGỌC	ĐANG	08/02/89	<i>chv</i>	Vắng	—
22	07333033	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	07/07/89	<i>chv</i>	4	bốn
23	07333035	NGUYỄN HẢI	ĐƯỜNG	22/07/88	<i>chv</i>	4	bốn
24	07333036	TẠ VĂN	ĐƯỜNG	04/05/89	<i>chv</i>	0	không
25	07333037	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	01/10/89	<i>chv</i>	3	ba
26	07333043	HOÀNG VIỆT	HÀ	15/12/88	<i>chv</i>	9	chín
27	07333039	HỒ THỊ NGỌC	HÀ	24/02/89	<i>chv</i>	14	bốn
28	07333038	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	16/04/89	<i>chv</i>	Vắng	—
29	07333041	TÀI NGỌC	HÀ	04/05/88	<i>chv</i>	4	bốn
30	07333214	LÊ VŨ	HẢI	10/11/88	<i>chv</i>	3	ba
31	07333047	DƯƠNG THỊ	HẠNH	20/10/87	<i>chv</i>	6	sáu
32	07333045	ĐẶNG ĐỨC	HẠNH	06/09/89	<i>chv</i>	10	mười
33	07333048	ĐỖ THỊ	HẠNH	19/10/88	<i>chv</i>	7	bảy
34	07333050	PHAN THỊ THU	HĂNG	08/05/89	<i>chv</i>	7	bảy
35	07333052	LÊ PHƯỚC	HIỀN	07/05/89	<i>chv</i>	7	bảy
36	07333055	HỒ THỊ THANH	HOA	10/10/89	<i>chv</i>	Vắng	—

SDTL

34

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07333056	NGUYỄN HIẾU	HÒA	02/01/89	<i>ab</i>	10	<i>nhất</i>
38	07333057	HUỖNH NGỌC	HOÀI	01/01/88	<i>ms</i>	13	<i>ba</i>
39	07333058	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/12/89	<i>vang</i>	15	<i>nam</i>
40	07333059	NGÔ THỊ	HUỆ	30/09/88	<i>khua</i>	15	<i>nam</i>
41	07333063	BÙI TUẤN	HÙNG	16/12/88	<i>vang</i>	15	<i>nam</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 32 Số bài: 32 Số tờ: 39

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *nh*

Cán bộ coi thi 2 *nhk*

Đinh A. Tuyết Hoàng

Ng. T. Phước Thủy

Xác nhận của bộ môn *th*

Cán bộ chấm thi 1 *ky*

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Ng. H. H. Hai



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SỐ TỜ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07130001	TRẦN VĂN AN	01/08/89			3	ba
2	07130002	ĐINH NGỌC ANH	28/08/86			4	bốn
3	06130102	HOÀNG NGỌC ANH	08/11/87			7	bảy
4	07130003	TRẦN NGỌC ANH	17/06/89			6	sáu
5	07130005	HOÀNG THIÊN AN	18/07/89			3	ba
6	07130004	LÊ HỒNG AN	02/08/89			—	—
7	07130006	VÕ MINH BÌNH	26/10/89			3	ba
8	07130010	HUỖNH NGỌC CƯỜNG	19/02/89			5	năm
9	07130011	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	05/02/89			3	ba
10	07130012	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	10/09/87			1	một
11	07130013	LÊ HỒNG DANH	01/04/89			2	hai
12	07130014	TRẦN HOÀN DIỆU	19/09/89			6	sáu
13	07130015	TRẦN THỊ DUNG	17/10/89			5	năm
14	07130016	NGUYỄN VIỆT DŨNG	01/10/88			5	năm
15	07130017	NGUYỄN HỒNG DUY	21/12/89			1	một
16	07130018	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	18/01/89			6	sáu
17	07130019	CHẾ THỊ NGỌC DUYÊN	20/02/89			9	chín
18	07130021	ĐỒNG TIẾN ĐẠT	10/01/89			—	—
19	07130020	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	14/03/88			0	không
20	07130022	NGUYỄN CÔNG ĐẮC	21/10/89			7	bảy
21	07130023	LƯU QUỐC HẢI ĐĂNG	26/10/89			—	—
22	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	06/06/88			7	bảy
23	07130027	ĐỖ THỊ HÀ	30/03/89			—	—
24	07130028	LƯU THÚY HÀ	08/09/89			7	bảy
25	07130029	TÔ XUÂN HẢI	19/05/89			4	bốn
26	07130154	NGUYỄN MINH HẢO	20/05/85			4	bốn
27	07130031	NGUYỄN HỮU HẬU	15/04/89			3	ba
28	07130032	TRẦN PHÚC HẬU	20/07/87			3	ba
29	07130033	TRƯƠNG PHÚC HẬU	17/02/88			3	ba
30	07130035	NGUYỄN THẾ HIẾN	05/08/89			4	bốn
31	07130037	MAI XUÂN HIỆP	18/12/89			8	tám
32	07130036	TRƯƠNG LỢI HIỆP	09/09/89			8	tám
33	07130039	TRẦN THỊ HOA	14/10/89			4	bốn
34	07130040	HOÀNG ANH HÒA	12/09/89			3	ba
35	07130041	NGUYỄN THANH HOÀI	06/02/89			3	ba
36	07130042	NGUYỄN MẠNH HOÀN	10/02/88			4	bốn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07DT (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07130043	BÙI MINH	HOÀNG	21/05/87		3	ba
38	07130044	TRẦN VĂN	HOÀNG	19/11/89		7	bảy
39	07130045	CHÂU ĐỖ KHÁNH	HÙNG	24/04/89		1	một
40	07130046	NGUYỄN NGỌC	HÙNG	05/10/88		7	bảy
41	07130047	LÊ QUANG	HUY	13/11/88		0	không
42	07130048	LA DUY	HÙNG	10/12/89		1	một
43	07130049	LÊ PHƯỚC	HÙNG	26/12/89	✓	—	—
44	07130050	NGUYỄN THANH QUỐC	HÙNG	20/05/88	✓	—	—
45	07130051	NGUYỄN TRÍ	HỮU	26/01/85		5	nam
46	07130052	NGUYỄN KHANG	HY	07/10/89		2	hai
47	07130053	NGÔ VŨ QUỐC	KHANH	01/12/89		1	một
48	07130055	HỒ QUANG	KHÁNH	15/08/89		5	nam
49	07130056	LÊ QUANG	KHÁNH	27/12/89		7	bảy
50	07130054	NGUYỄN DUY	KHÁNH	18/10/88		4	bốn
51	07130057	PHAN TRỌNG	KHIÊM	05/07/89		1	một
52	07130058	NGUYỄN ĐẮC	KHOA	24/10/89		6	sáu
53	07130060	NGUYỄN MINH	KHOA	26/05/89		6	sáu
54	07130061	TRẦN ANH	KHÔI	02/03/89		7	bảy
55	07130062	TRẦN HUY	LAM	18/10/89		0	không
56	07130063	BÙI THANH	LIÊM	12/12/88		1	một
57	07130064	LÊ THỊ KIM	LIÊN	06/02/89		5	nam
58	07130065	ĐẶNG ĐỖ	LIN	27/11/89		3	ba
59	07130151	DƯƠNG THỊ MỸ	LINH	16/04/89		3	ba
60	07130066	NGUYỄN NGỌC	LĨNH	13/11/89		4	bốn
61	07130067	HÀ THỊ PHỤNG	LOAN	25/01/89		5	nam
62	07130069	PHAN NGUYỄN PHI	LONG	05/09/88	✓	—	—
63	07130070	PHẠM MINH	LUÂN	13/09/88		5	nam
64	07130071	ĐẶNG KHẮC	LUÂN	20/10/89		4	bốn
65	07130072	NGUYỄN ĐÌNH	LUẬT	20/09/89		3	ba
66	07130073	NGUYỄN THỊ THÚY	LỮ	12/10/88		6	sáu
67	07130074	NGUYỄN ĐÌNH	LỤC	25/12/89		2	hai
68	07130075	VŨ VĂN	LƯỢT	19/05/89		8	tám
69	07130076	THẦN TRỌNG	MINH	14/01/89		4	bốn
70	07130078	LÊ TRẦN	NAM	01/01/89		0	không
71	07130079	LÊ VĂN	NAM	15/03/89		2	hai
72	07130080	PHẠM VĂN	NAM	02/01/88		3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 65 Số bài: 65 Sở từ: 80

Ngày 10 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Đinh Quang Đức

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Yên Phương

CBCT 3: Hoàng Thị Mỹ Hồng

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Ngô Huy Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV335

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	25/02/82		<i>mb</i>	4	bốn
2	07153065	NGÔ TIẾN NGHĨ	31/05/87		<i>fu</i>	5	năm
3	07153025	ĐỖ HOÀNG	26/09/89				
4	07153066	ĐINH HỮU NHÂN	06/07/89		<i>de</i>	2	hai
5	07153026	NGUYỄN ANH	11/10/87		<i>Anh</i>	2	hai
6	07153028	NGUYỄN TẤN PHÁT	02/08/89		<i>Tat</i>	2	hai
7	07153027	PHẠM ĐÌNH PHÁT	02/12/89		<i>Phu</i>	5	năm
8	07153029	LÝ VĂN PHẤN	05/11/88		<i>Lo</i>	3	ba
9	07153067	TRƯƠNG QUANG PHÚ	06/11/88		<i>Phu</i>	3	ba
10	07153068	LÊ NGỌC PHƯƠNG	11/11/89		<i>Phu</i>	0	không
11	07153030	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	20/09/89		<i>Phu</i>	1	một
12	07153031	LƯU HẢI QUANG	14/05/89		<i>Phu</i>	2	hai
13	07153033	NG HOÀNG PHƯƠNG	08/08/88		<i>Phu</i>	7	bảy
14	07153032	PHAN DUY NHẬT	09/10/89		<i>Phu</i>	4	bốn
15	07153070	NGUYỄN VĂN QUÝ	08/08/87				
16	07153071	NGUYỄN VĂN QUYẾT	23/12/88		<i>Quy</i>	2	hai
17	07153034	TRẦN THANH SÁNG	15/10/88		<i>Thanh</i>	5	năm
18	07153048	K' SÔI	31/12/86		<i>Soi</i>	2	hai
19	07153073	NGUYỄN ĐỨC TÀI	27/10/89		<i>Tai</i>	6	sáu
20	07153075	TRỊNH ĐÌNH THANH	10/05/89		<i>Thanh</i>	4	bốn
21	07153077	VÕ VĂN THỊN	04/09/89		<i>Thi</i>	3	ba
22	07153035	NGUYỄN VĂN THỨA	17/09/87		<i>Thu</i>	5	năm
23	07153036	NGUYỄN THÀNH TÍN	15/06/89		<i>Tin</i>	8	tám
24	07153037	LÊ ĐÔNG SONG	23/10/89		<i>Song</i>	4	bốn
25	07153038	NGUYỄN THANH TÔNG	04/03/89		<i>Ton</i>	5	năm
26	07153039	TRẦN VĂN TỐT	07/05/88		<i>Tot</i>	7	bảy
27	07153040	NGUYỄN MINH TRÍ	01/04/89		<i>Tri</i>	8	tám
28	07153041	MAI XUÂN TRIỀU	08/10/89		<i>Tri</i>	7	bảy
29	07153042	NGUYỄN BÌNH TRỌNG	23/10/89		<i>Tru</i>	3	ba
30	07153043	TRẦN THÀNH TUÂN	07/01/89		<i>Tuan</i>	5	năm
31	07153044	NGUYỄN THÀNH TUÂN	23/05/89		<i>Tuan</i>	2	hai
32	07153045	TRỊNH THỂ VINH	15/09/89		<i>Vinh</i>	7	bảy
33	07153046	CHÂM RO XÉT	08/07/87		<i>Xet</i>	4	bốn
34	07153047	NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN	22/03/89		<i>Xu</i>	2	hai

bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
sinh viên dự thi: 32 Số bài: 32 Số tờ: 36

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Trần Phong Chấn

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Phú

Xác nhận của bộ môn

[Signature]

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CB (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV227

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07115021	TRẦN TUẤN	ANH	07/03/89	✓	✓	✓
2	07115022	HỒ THANH	BÌNH	17/10/85	Bình	2	hai
3	07115003	HUỖNH	CHƯƠNG	20/10/89	Chương	4	bốn
4	07115004	LÊ VĂN	CƯƠNG	27/10/88	Cương	6	sáu
5	07115024	NGUYỄN THANH	DANH	14/10/89	Danh	7	bảy
6	07115005	NGUYỄN PHÚC	DUY	12/02/89	Phúc	5	năm
7	07115033	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	17/08/87	Phương	6	sáu
8	07115006	DƯƠNG VŨ	DIỆP	10/10/87	Dương	3	ba
9	07115007	HOÀNG VĂN	GIANG	16/05/86	Hoàng Văn	2	hai
10	07115026	PHAN VŨ MINH	HIỀN	02/12/88	Phan Vũ Minh	7	bảy
11	07115008	LÊ TRUNG	HIỂU	08/06/89	Trung	3	ba
12	07115027	TRƯƠNG MINH	HIỂU	05/01/89	Trương Minh	3	ba
13	07115028	HUỖNH THỊ	HOA	02/01/89	Huỳnh Thị	7	bảy
14	07115009	NGUYỄN TIẾN	HÒA	11/03/89	Nguyễn Tiến	4	bốn
15	07115010	NGUYỄN THỊ BÍCH	HUYỀN	13/08/87	Nguyễn Thị Bích	8	tám
16	07115011	ĐINH HOÀI	NAM	25/01/87	Đinh Hoài	5	năm
17	07115012	NGUYỄN TRƯỜNG	NAM	09/04/89	Nguyễn Trường	5	năm
18	07115029	VÕ ĐẠI	NGUYỄN	22/08/87	Võ Đại	6	sáu
19	07114035	NGUYỄN NGỌC	NHI	03/11/89	Nguyễn Ngọc	2	hai
20	07114039	TRẦN THANH	PHÚ	03/04/88	Trần Thanh	3	ba
21	07115034	THÁI THỊ HỒNG	PHƯƠNG	20/02/89	Thái Thị Hồng	5	năm
22	07115035	NGUYỄN THỊ HOÀNG	QUYÊN	20/01/89	Nguyễn Thị Hoàng	0	không
23	07115036	LÊ	SÁNG	30/01/87	Le	7	bảy
24	07115013	NGUYỄN THANH	SƠN	18/08/89	Nguyễn Thanh	7	bảy
25	07115014	TRƯƠNG THỊ LÝ	TÂM	02/07/89	Trương Thị Lý	5	năm
26	07117148	ĐỖ LÊ HÀ	THANH	13/08/89	Đỗ Lê Hà	4	bốn
27	07115037	LÊ HỒNG	THƠ	10/10/86	Le Hong	2	hai
28	07115016	TRẦN HỮU	TÍN	1 / 89	Trần Hữu	6	sáu
29	07115038	LÊ HỮU	TRUNG	24/12/89	Le Huu	0	không
30	07115017	TRẦN NHẬT	TRUNG	08/09/89	Trần Nhật	0	không
31	07115018	NGUYỄN QUANG	TÙNG	12/12/89	Nguyễn Quang	3	ba
32	07115019	ĐẶNG DOÃN	TUYẾN	27/01/86	Đặng Doãn	0	không
33	07115040	HUỖNH MINH	TUYỀN	10/07/89	Huỳnh Minh	3	ba
34	07115020	NGUYỄN THỊ	XUYỄN	20/03/89	Nguyễn Thị	4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 33 Sở từ: 39

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Nguyễn Hợp Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV223

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thứ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333095	TRẦN PHÚC	LỢI	/06/87		✓	Vang
2	07333216	NGUYỄN THỊ	LƯỠM	28/08/89	Thom	3	ba
3	07333098	NGUYỄN THỊ	MAI	26/09/89	Mai	3	ba
4	07333099	TRỊNH THỊ	MAI	15/02/88	Mai	5	nam
5	07333100	VŨ THỊ	MAI	27/09/88	Mai	4	bảy
6	07333103	BÙI NGỌC	MINH	20/09/88		✓	Vang
7	07333104	LÊ HUỖNH HIỀN	MY	24/09/89		5	nam
8	07333107	MAI THỊ	NGA	18/08/89		6	nam
9	07333106	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGA	07/02/87		5	nam
10	07333108	PHẠM KIM	NGÂN	25/01/89		✓	Vang
11	07333110	NGUYỄN THỊ THU	NGOC	02/09/88		8	nam
12	07333111	TRẦN THỊ THANH	NGUYỄN	01/05/87		6	nam
13	07333113	HỒ THỊ	NHANH	15/10/89		6	nam
14	07333114	VÕ VĂN TẤN	NHẬT	06/05/89		6	nam
15	07333115	MAI ĐÌNH	NHU	19/11/87		6	nam
16	07333118	LÊ TUYẾT	NHUNG	17/01/89		✓	Vang
17	07333116	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	/04/88		3	ba
18	07333117	TRƯƠNG THỊ CẨM	NHUNG	11/04/89		6	nam
19	07333119	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	07/11/89		3	ba
20	07333120	NGUYỄN THỊ THANH	NỮ	30/12/88		3	ba
21	07333121	DƯƠNG NỮ KIỀU	OANH	01/06/89		2	hai
22	07333123	ĐOÀN DUY	PHONG	23/04/89		7	bảy
23	07333124	TRẦN TẤN	PHÚC	14/08/88		7	bảy
24	07333130	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	25/09/88		5	nam
25	07333128	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	10/05/88		3	ba
26	07333131	NGUYỄN TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	23/10/88		2	hai
27	07333132	NGUYỄN VĂN	QUANG	10/04/88		3	ba
28	07333133	ĐẶNG THẾ	QUÂN	01/07/88		4	bốn
29	07333134	ĐỖ TƯỜNG	QUÂN	16/02/88		5	nam
30	07333136	ĐÀU VIỆT	QUỐC	08/08/88		7	bảy
31	07333135	NGUYỄN ANH	QUỐC	17/11/88		9	chín
32	07333137	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	01/06/88		8	nam
33	07333138	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	05/07/89		8	nam
34	07333139	NGUYỄN THẾ	QUYÊN	04/01/88		5	nam
35	07333141	NGUYỄN LÊ	SƠN	20/11/89		3	ba
36	07333143	HỒ HỮU	TÀI	06/11/88		1	một

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 32 Số bài: 32 Sở từ: 34

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga
Nga

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Hải Tr

Xác nhận của bộ môn [Signature]

Cán bộ chấm thi 1 [Signature]
Ngô Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2 _____

TS VÀ THỊ LUYỆN



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV225

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333147	LÊ TẤT	TÀI	04/08/88		6	Sau
2	07333145	NGUYỄN PHƯỚC	TÀI	10/01/88		4	bôn
3	07333146	NGUYỄN TẤN	TÀI	23/02/89		6	Sau
4	07333148	ĐẶNG HOÀI	TÂM	12/12/88		1	miết
5	07333149	PHẠM THANH	TÂM	/ /88		3	bãi
6	07333150	ĐINH VĂN	TÂN	05/07/88		3	ba
7	07333151	TRẦN THỊ KIM	THANH	13/12/89		3	ba
8	07333155	BÙI VĂN	THẢO	15/10/89		3	ba
9	07333156	LÊ VĂN	THẢO	20/12/88		7	bảy
10	07333152	TRẦN THỊ KIM	THẢO	13/09/87		5	năm
11	07333154	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/12/89		7	bảy
12	07333159	HUYỀN	THÔNG	29/01/89			
13	07333160	TRẦN THỊ	THÔNG	12/09/87		5	năm
14	07333161	TRƯƠNG THIÊN	THỜI	01/05/86		2	hai
15	07333164	LÊ THỊ XUÂN	THU	30/04/89		7	bảy
16	07333165	NGUYỄN HỮU	THUẬN	02/07/89		6	Sau
17	07333167	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÚY	16/09/89		2	hai
18	07333170	NGUYỄN THỊ	THÚY	22/06/89		4	bốn
19	07333169	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÚY	10/01/89		3	ba
20	07333173	TRẦN BẢO DUY	THƯƠNG	05/09/89		7	bảy
21	07333174	CẨM BÀ	THƯỜNG	07/07/88		3	ba
22	07333176	LÊ QUANG	TIỆP	21/05/89		2	hai
23	07333177	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	02/10/89		4	bốn
24	07333179	LÃ THU	TRANG	25/08/88		2	hai
25	07333215	LÊ THỊ YẾN	TRANG	23/10/88		6	Sau
26	07333183	NGUYỄN NHẬT	TRẦN	01/04/89		5	năm
27	07333184	ĐẶNG THỊ	TREO	07/07/88		5	năm
28	07333186	HOÀNG VĂN	TRÍ	01/01/89		5	năm
29	07333185	LƯƠNG MINH	TRÍ	19/09/89			
30	07333187	NGUYỄN HOÀI	TRÌNH	07/10/89		7	bảy
31	07333188	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	13/05/87		3	ba
32	07333189	HUYỀN NGỌC	TRỰC	10/07/87		5	năm
33	07333191	LÊ CẨM	TÚ	01/04/88		4	bốn
34	07333192	NGUYỄN HOÀI	TUẤN	01/01/89			
35	07333193	NGUYỄN THANH	TÙNG	09/01/89		5	năm
36	07333194	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	02/03/88		6	Sau